

Bản án số: 02/2022/HS-ST
Ngày 24-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lý Thanh Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Phúc

Bà Ninh Thị Tám

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Miên - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 116/2021/TLST-HS, ngày 25 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn S**, sinh ngày 26/4/1976, tại Thái Nguyên. Tên gọi khác: Không; Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ 1, phường QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C (đã chết), con bà Trần Thị M, sinh năm 1954. Gia đình có 04 anh em. Bị cáo là con thứ ba; chưa có vợ.

- Tiền sự: Không có.

- Tiền án: có 01 tiền án. Tại bản án số 08/2016/HSST ngày 14/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt Nguyễn Văn S 48 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/10/2019.

- Nhân thân:

+ Ngày 28/11/1994 bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù, về tội “tổ chức dùng chất ma túy”.

+ Ngày 28/4/1997 bị Tòa án nhân dân Tối cao xử phạt 36 tháng tù, về tội “trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 13/12/1999 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 42 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 12/5/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 29/9/2010, bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 19/01/2022, bị tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên theo quyết định tạm giam số 17 ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên. (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Lại Thị H, sinh năm 1963;

Nơi ĐKHKT: Xóm QT, xã TT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

2. Anh Lại Ngọc H, sinh năm 1987.

Nơi ĐKHKT: Xóm QT, xã TT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi ĐKHKT: Xóm V, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên;

- Người làm chứng: Chị Trần Thị Thanh Nh, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKT: Tổ 10, phường QV, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 08/6/2021, Nguyễn Văn S mang theo một chiếc chìa khóa xe loại xe Wave, một chiếc tô vít rồi thuê xe taxi của hãng Taxi “Bình An” do một người nam giới không quen biết điều khiển, đi từ thành phố Thái Nguyên theo đường Quốc lộ 3 đi Chợ Mới – Bắc Kạn mục đích xem có nhà dân nào sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực Xóm QT, xã TT, huyện PL, S phát hiện nhà bà Lại Thị H, sinh năm 1963, trú tại Xóm QT, xã TT, huyện PL ở phía bên trái đường có cổng sắt loại hai cánh mở ra ngoài, xung quanh trước cửa nhà được bao bằng lưới sắt B40, trong sân có dựng 02 chiếc xe mô tô nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. S xuống xe Taxi rồi đi đến nhà bà H quan sát thấy cổng sắt không khóa mà chỉ đóng chốt ngang và chốt xuống đất. S dùng tay kéo chốt cửa dưới đất lên đồng thời kéo chốt ngang mở cổng đi vào trong sân đến vị trí để 02 chiếc xe mô tô, qua kiểm tra thấy cả hai xe không khóa cổ, khóa càng. Lập tức, S dắt xe chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe WAVE, BKS 20E1- 197.51 ra ngoài cổng. S dùng chiếc chìa khóa xe mô tô loại xe Wave mang theo trước đó mở khóa điện của xe mô tô, nổ máy rồi điều khiển xe theo đường Quốc Lộ 3 về nhà cất giấu. Ngay sau đó S lại tiếp tục thuê 01 xe taxi quay lại nhà bà H để trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE, BKS 20 E1- 319.93 còn lại, đến nơi S đi vào sân nơi để xe dắt chiếc xe mô tô ra khỏi cổng rồi dùng tô vít tra vào ổ khóa mở khóa điện của xe rồi điều khiển xe đi về nhà cất giấu.

Khoảng 11 giờ cùng ngày, S một mình mang chiếc xe mô tô loại xe Wave BKS 20E1- 197.51 đến khu vực mỏ đá xã Q, huyện ĐH để bán, tại đây S đã bán chiếc xe mô tô trên cho một người đàn ông không quen biết với giá 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Sau đó, khoảng 18 giờ cùng ngày S mang chiếc xe mô tô HONDA BLADE, BKS 20E1- 319.93 đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Nguyễn Văn N, sinh

năm 1977, trú tại Xóm V, xã HT, huyện ĐH để bán xe. Do thấy S là người không quen biết, không có giấy tờ tùy thân phù hợp với chủ sở hữu trong giấy đăng ký xe, nên anh N không mua. Thấy vậy, S đi đến nhà chị Trần Thị Thanh Nh, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 10, phường QV, thành phố TN là người quen của S nhờ chị Nh đứng tên bán hộ chiếc xe mô tô, chị Nh đồng ý, sau đó phô tô sổ hộ khẩu của gia đình rồi cùng S đến gặp anh N để bán xe, anh N đã đồng ý mua, chị Nh đứng tên và viết giấy bán chiếc xe trên với giá 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), toàn bộ số tiền bán 02 xe mô tô S đã chi tiêu cá nhân hết và không chia cho chị Nh.

Về phía gia đình bà H, sáng 08/6/2021 phát hiện bị mất 02 chiếc xe mô tô đã trình báo với Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Phú Lương. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, điều tra giải quyết theo quy định.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 37 ngày 11/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Phú Lương, đối với 02 chiếc xe mô tô S trộm cắp của gia đình bà H ngày 08/6/2021 kết luận: Tại thời điểm bị S chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS: 20E1- 197.51 nhãn hiệu HONDA WAVE có giá trị là 14.000.000 đồng (mười bốn triệu đồng); xe mô tô BKS: 20 E1- 319.93, nhãn hiệu HONDA BLADE có giá trị là 16.150.000đ (mười sáu triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng trị giá của 02 chiếc xe mô tô là 30.150.000đ (ba mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 04/9/2021 anh N đã mang chiếc xe mô tô BKS 20E1- 319.93 đến giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Lương, ngày 07/10/2021 Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương đã trả lại cho anh Lại Ngọc H con trai bà H là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Vật chứng vụ án: Đối với chiếc xe mô tô BKS: 20 E1- 319.93, nhãn hiệu HONDA BLADE anh Lại Ngọc H đã nhận lại. Chiếc xe mô tô loại xe Wave BKS 20E1- 197.51 S đã bán cho người không quen biết hiện không thu hồi được. Chiếc tô vít và chìa khóa xe máy loại xe Wave, là dụng cụ S đã sử dụng để mở ổ khóa điện của 02 chiếc xe mô tô trộm cắp của nhà bà H, trên đường về đến khu vực phường Q, thành phố TN S đã vút vào rìa đường, hiện không thu giữ được.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nêu trên. Bị cáo xác định không bị ép cung, nhục hình, khai báo trong tình trạng sức khỏe tốt, tỉnh táo; được nhận bản cáo trạng, đã đọc kỹ và nghe công bố tại phiên tòa, không thắc mắc về nội dung bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên trình bày lời luận tội, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Văn S theo Cáo trạng số 02/CT-VKSPL ngày 22/12/2021 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S từ 30 đến 36 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo S.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại anh Lại Ngọc H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Lại Thị H số tiền là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) và bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

* Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không ai có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: chị Trần Thị Thanh Nh là người làm chứng: Tòa án đã gửi giấy triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng người làm chứng vắng mặt. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến về sự vắng mặt của người làm chứng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên đề nghị xét xử vắng mặt người làm chứng. Quá trình điều tra người làm chứng không có khiếu nại gì đối với quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên việc vắng mặt của chị Nh tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Việc Tòa án xét xử vắng mặt người làm chứng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Xét về hành vi của bị cáo: Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo là khách quan, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng biên bản khám nghiệm và thực nghiệm điều tra tại hiện trường và những chứng cứ, tài liệu khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở khẳng định:

Hồi 02 giờ ngày 08/6/2021, tại nhà bà Lại Thị H ở Xóm QT, xã TT, huyện PL, tỉnh Thái Nguyên. Nguyễn Văn S đã có hành vi trộm cắp tài sản là 02 xe mô tô gồm: 01

chiếc nhãn hiệu HONDA WAVE. BKS 20E1- 197.51 trị giá 14.000.000 đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE. BKS 20 E1- 319.93 trị giá 16.150.000 đồng. Sau đó mang bán cho một người không quen biết và anh Nguyễn Văn N được tổng số tiền là 14.000.000đ, toàn bộ số tiền này S đã sử dụng vào việc cá nhân, chiếc xe mô tô BKS 20 E1- 319.93 được anh Giao nộp cho Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương để trả lại cho anh Hưng con trai bà H là chủ sở hữu quản lý sử dụng.

Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng,...thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[5] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, đã 01 lần bị xét xử về tội “Tổ chức dùng chất ma túy”; 05 lần bị xét xử về tội “trộm cắp tài sản”.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhà bà Lại Thị H 02 lần và bị cáo đang có tiền án chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội 02 lần trở lên” và “tái phạm” quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng: Căn cứ tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo thấy rằng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi, để có tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi nêu trên của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” tuy nhiên bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần phải xử lý nghiêm minh bằng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hiện đang bị tạm giam vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại anh Lại Ngọc H đã nhận lại tài sản là chiếc xe mô tô BKS: 20 E1- 319.93, nhãn hiệu HONDA

BLADE và không yêu cầu bị cáo bồi thường do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đối với chiếc xe này.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 20E1- 197.51 nhãn hiệu HONDA WAVE bị cáo đã bán cho một người đàn ông không quen biết tại khu vực mỏ đá xã Quang S, huyện ĐH hiện không thu giữ lại được bà Lại Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền là 14.000.000đ là giá trị chiếc xe theo định giá. Anh Nguyễn Văn N yêu cầu S phải bồi thường số tiền mà anh N đã mua xe mô tô BKS: 20 E1- 319.93 là 10.000.000đ (mười triệu đồng). Do vậy cần buộc bị cáo S phải bồi thường cho bà Lại Thị H số tiền 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) và bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[8] Đối với người đàn ông ở khu vực mỏ đá Q, huyện ĐH đã mua xe chiếc xe mô tô BKS 20E1- 197.51 S trộm cắp của gia đình bà H ngày 08/6/2021 với giá 4.000.000đ, do S không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan CSĐT không có cơ sở để xác minh, làm rõ.

Đối với Trần Thị Thanh Nh là người ngày 08/6/2021 đã đứng tên bán hộ S chiếc xe mô tô BKS 20E1- 319.93 cho anh Nguyễn Văn N, qua điều tra xác định khi bán hộ xe Nh không biết đó là xe do S trộm cắp mà có, không được hưởng lợi từ việc bán xe hộ S, vì vậy Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Lương không xử lý đối với Nh.

Đối với 02 người lái xe Taxi đêm 08/6/2021 đã chở S từ thành phố Thái Nguyên lên Phú Lương để trộm cắp tài sản, do S không quen biết, không rõ biển số xe ô tô, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[10] Về án phí: Theo quy định của Luật phí và lệ phí năm 2015, Điều 23, Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.200.000đ án phí dân sự.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[12] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tại phiên tòa về mức hình phạt và những vấn đề khác là có căn cứ, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành hình phạt của bản án này.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự và Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn S phải bồi thường cho bà Lại Thị H số tiền là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) và bồi thường cho anh Nguyễn Văn N số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Kể từ ngày người có quyền được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn S phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự vào ngân sách Nhà nước;

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Phú Lương;
- Công an huyện Phú Lương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thanh Tùng